| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 512/2022/DS-PT
Ngày: 08 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Mười;

Ông Dương Tuấn Vinh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1412/2022/QĐ-PTngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Q, sinh năm 1942.

Địa chỉ: đường LTK, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: đường NTN, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bao gồm:

1/. Luật sư Trịnh Bá Th - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. Luật sư Hồ Hoài Nh - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Th – Đường HH, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Bị đơn:***

1/. Cụ Võ Thị L, sinh năm 1949.

Địa chỉ: đường BTX, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Võ Thị L: Ông Phạm H. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

2/. Bà Lê Thị Thanh Ng, sinh năm: 1978. Trú tại: đường BTX, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: Thôn Đ2, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Thanh Ng: Luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa)

Địa chỉ: Công ty Luật T – Đường Q, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/. Ông Phạm H, sinh năm: 1949. Trú tại: Số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: Thôn Đ2, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. (có mặt)

2/. Ông Lê Ngọc L, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Nhà trọ số đường NTN, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

3/. Anh Phạm Minh Kh, sinh năm: 2000. (vắng mặt)

4/. Chị Phạm Thị Liên Kh, sinh năm: 1998. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5/. Ông Phạm V, sinh năm: 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ2, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

6/. Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

7/. Văn phòng công chứng Lưu Tấn H (nay là Văn phòng công chứng Trần Đức Kh). (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

8/. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

9/. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

10/. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng - Đường TP, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

11/. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng – Đường TP, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Người kháng cáo:*** Bị đơn cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2019; ngày 12/02/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/5/2020; ngày 08/6/2020 và ngày 13/5/2021 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn cụ Trần Thị Q (do ông Lê Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tham gia với nguyên đơn ông Lê Ngọc L trình bày:*

Cha của ông là cụ Lê Ngọc Ph (1937 - 2015) và mẹ của ông là cụ Trần Thị Q, sinh năm 1942; giữa cụ Ph và cụ Q có duy nhất một mình ông Lê Ngọc L là con chung.

Cha mẹ ông chung sống với nhau từ năm 1971, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán Việt Nam và quá trình chung sống cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản là căn nhà và đất thuộc thửa đất số 315 với diện tích 310m$^2$, tờ bản đồ số 9 tại số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ.

Vào thời điểm năm 1973, khi cụ Q đang mang thai ông thì giữa cha mẹ ông có mâu thuẫn nên mẹ ông có về quê ở Quảng Ngãi sinh sống và sinh ra ông vào ngày 19/7/1973.

Năm 1976, mẹ ông và ông quay trở lại xã T (nay là thị trấn L), huyện Đ để sinh sống và ở nhờ tại nhà ông Huỳnh Đ (là người bà con bên phía mẹ ông ở tại đường BTX, thị trấn L, huyện Đ). Trong thời gian này cha ông thường xuyên đến thăm ông và đến năm 1987 cha ông nhận ông là con ruột và đã đưa ông về sinh sống cùng cha ông tại nhà đất số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ.

Thời điểm khi ông về ở với cụ Ph đã có cụ Võ Thị L cùng với bà Lê Thị Thanh Ng đã ở trên phần nhà đất tại đường BTX, thị trấn L, huyện Đ. Khi đó ông xem cụ L là mẹ kế, bà Lê Thị Thanh Ng là em nhưng khi đó ông nghe hàng xóm nói bà Ng không phải là con chung giữa cụ L với cụ Ph.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình về việc yêu cầu xác định cha cho con số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã chấp nhận đơn của ông về việc yêu cầu xác định cụ Lê Ngọc Ph là cha đẻ của ông Lê Ngọc L. Trên cơ sở đó, ngày 04/12/2019 Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ đã cấp giấy khai sinh cho ông thể hiện họ tên mẹ là cụ Trần Thị Q, họ tên cha là cụ Lê Ngọc Ph.

Phần nhà, đất thuộc thửa đất số 315 với diện tích 310m$^2$, tờ bản đồ số 09 tại

số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 156650 cho cha ông là cụ Ph vào ngày 25/7/1994.

Ngày 11/6/2015, cụ Ph chết không để lại di chúc.

Ngày 07/8/2000, bà Lê Thị Thanh Ng và cụ Võ Thị L đã tự ý giả mạo chữ ký của cụ Ph để làm hợp đồng chuyển nhượng đối với diện tích đất 168m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L sang cho bà Ng. Ngày 23/4/2003, bà Ng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4203011142 đối với diện tích 168m$^2$.

Ngày 04/7/2015, cụ Võ Thị L và bà Lê Thị Thanh Ng tự ý ra Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T) làm văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ Ph với nội dung: Tặng cho nhà đất đối với diện tích 142m$^2$ đất ở theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994 đứng tên cụ Lê Ngọc Ph và 4 sổ tiết kiệm của cụ Ph để lại với tổng số tiền gốc là 108.600.000 đồng cho bà Lê Thị Thanh Ng và được Văn phòng công chứng A công chứng vào ngày 04/7/2015, số công chứng 12119, quyển số 28TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 08/7/2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã sang tên cho bà Lê Thị Thanh Ng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994.

Nay nguyên đơn cụ Trần Thị Q yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Lê Ngọc Ph gồm nhà và diện tích đất thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 tại số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ và chia số tiền 108.600.000 đồng là tiền tiết kiệm của cụ Ph theo quy định của pháp luật; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 331/CN ngày 07/8/2000 là vô hiệu; yêu cầu tuyên Văn bản công chứng thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của cụ Võ Thị L và bà Lê Thị Thanh Ng công chứng ngày 04/7/2015 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T là vô hiệu; hủy các nội dung đăng ký biến động sang tên cho bà Lê Thị Thanh Ng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994 cho cụ Lê Ngọc Ph; hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011142 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 23/4/2003 cho bà Lê Thị Thanh Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L thống nhất với lời trình bày của cụ Q; ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của cụ Q, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 331/CN ngày 07/8/2000; yêu cầu hủy Văn bản công chứng thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của cụ Võ Thị L và bà Lê Thị Thanh Ng công chứng ngày 04/7/2015 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T; hủy các nội dung đăng ký biến động sang tên cho bà Lê Thị Thanh Ng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994 cho cụ Lê Ngọc Ph; hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011142 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 23/4/2003 cho bà Lê Thị Thanh Ng; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Phạm H, bà Lê Thị Thanh Ng vào ngày 15/5/2018; yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và đất thuộc thửa đất số 315 với diện tích 310m$^2$ tờ bản đồ số 09 tại số đường BTX, thị trấn L, huyện Đ và chia di sản thừa kế đối với số tiền tiết kiệm do cụ Lê Ngọc Ph để lại trước khi chết là 108.600.000 đồng.

*Bị đơn cụ Võ Thị L trình bày:*

Năm 1973, cụ và cụ Lê Ngọc Ph kết hôn với nhau, việc kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cụ có tạo lập được mảnh đất tại số nhà 184K liên giới khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ nay thuộc số nhà đường BTX, tổ 15, thị trấn L, huyện Đ. Sau 03 lần sang nhượng tổng diện tích đất mà vợ chồng cụ sang nhượng là 310m$^2$ có trong tờ tường trình nguồn gốc đất và đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà đất được Ủy ban nhân dân huyện Đ xác nhận. Vợ chồng cụ ở đến năm 2000 thì con gái cụ có chồng nên vợ chồng cụ làm giấy cho con gái là bà Lê Thị Thanh Ng diện tích 168m$^2$ từ mảnh đất nói trên, số đất còn lại vợ chồng cụ vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng và sinh sống.

Năm 2015, chồng cụ là cụ Lê Ngọc Ph chết, nên cụ làm giấy ủy quyền số đất còn lại cho con gái là bà Ng thì cụ Trần Thị Q và ông Lê Ngọc L làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản của vợ chồng cụ. Khi Tòa án triệu tập cụ biết cụ Trần Thị Q đã kết hôn với cụ Lộc Văn L1, còn ông Lê Ngọc L làm giả giấy khai sinh là con của cụ Ph để chia tài sản.

Trong thời gian thụ lý hồ sơ là 03 năm 10 tháng khi chuẩn bị xét xử ông Lê Ngọc L rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Đ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và quy định cho các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này, do các đương sự đều không kháng cáo nên cụ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con gái là bà Lê Thị Thanh Ng và con rể là ông Phạm H.

*Bị đơn bà Lê Thị Thanh Ng trình bày:*

Khoảng trước năm 1973, cha của bà là cụ Lê Ngọc Ph, cùng chú của bà là cụ Lê Ngọc T có nhận sang nhượng của ông Tô Văn H diện tích đất 150m$^2$ (chia đôi mỗi người 75m$^2$) có số nhà là 31A và 32A. Đến năm 1975, cha của bà bị đi học tập cải tạo thì mẹ bà là cụ Võ Thị L có nhận chuyển nhượng thêm của ông Tô Văn H phần đất nối liền ở sau với diện tích 160m$^2$ thành tổng diện tích đất 310m$^2$ như hiện nay. Lúc đó, chú của bà là cụ T cũng sang lại 75m$^2$ đất của cụ T cho mẹ bà (chỉ sang tay). Vì cha bà không có ở nhà nên mọi việc mua bán đều do mẹ của bà giao dịch.

Đến năm 1976, cụ Ph được trở về nhà đoàn tụ gia đình và có đơn xin nhập khẩu vào hộ khẩu của cụ L vì lúc đó cụ L là chủ hộ, những giấy tờ của cụ Ph từ năm 1975 trở về trước do Công an huyện Đ lưu giữ. Cụ L cũng có giấy xác nhận nguồn gốc đất, có chú bà là cụ T và những người hàng xóm cùng mua với cụ L làm chứng ký tên.

Năm 2000, cụ Ph có nhờ hai chú của bà là cụ Phan Ngọc T1 và cụ Lê Ngọc A làm chứng để cho bà đất nhưng hai chú bà nói đất của anh chị chúng tôi không

xen vào. Vì vậy, cụ Ph đã đến Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ nhờ ban địa chính làm giúp văn bản cho bà đất với diện tích đất mà cụ Ph cho bà là 168m$^2$ và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003, bà đã sử dụng đến nay là 18 năm và đã đóng thuế theo quy định của pháp luật. Cha mẹ bà kết hôn với nhau có giấy đăng ký kết hôn ngày 10/8/1973 và sống cùng nhau cho đến ngày cụ Ph qua đời ngày 11/6/2015. Cụ Ph có một người vợ có đăng ký kết hôn là cụ Võ Thị L; cụ Ph và cụ L chỉ có một người con chung là bà. Ngoài ra, cụ Ph không có con chung, con riêng, con nuôi và người vợ nào khác nữa. Khi cụ Ph chết vì cụ L tuổi già sức yếu nên cụ L đã cho bà diện tích 142m$^2$ và một căn nhà tình thương do nhà nước và chồng của bà là ông Phạm H đã tài trợ xây để bà chăm sóc cụ L lúc tuổi già, sức yếu.

Sau khi ông Lê Ngọc L rút đơn khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Đ đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 17/01/2018, sau khi quyết định đình chỉ có hiệu lực pháp luật bà đã làm thủ tục xác nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng để cho ông Phạm H cùng đứng tên trên diện tích đất 142m$^2$ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/5/2018.

Nay cụ Trần Thị Q cho rằng cụ là vợ của cụ Ph là không có cơ sở vì từ năm 1968 đến năm 1972 cụ Ph bị đi lính không thể cưới vợ được. Nếu cụ Q cho rằng cụ Q là vợ của cụ Ph thì phải có giấy xác nhận của cụ Ph lúc cụ Ph còn sống và phải có giấy kết hôn với cụ Ph. Do đó, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Q.

Việc ông L cho rằng ông là con của cụ Ph là không có cơ sở vì lúc cụ Ph còn sống ông L không làm thủ tục nhận cha cho con theo quy định của pháp luật, ông L cho rằng năm 1987 ông cùng với cụ Ph làm thủ tục nhập khẩu nhận cha cho con là không đúng vì giấy này chỉ có ông L viết chứ không phải cụ Ph viết. Trong khi đó, cụ L là chủ hộ từ trước năm 1975 cho đến nay. Ngày cụ Ph qua đời, Tòa án có yêu cầu ông L đi giám định ADN nhưng ông L không đồng ý và đã rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn thì ông L cùng chú của bà tự ý đi giám định ADN để nhận huyết thống và nộp cho Tòa án giấy xác nhận của ông Lê Duy Tiên cho rằng ông L chính là con của cụ Lê Ngọc T nên việc xác định ADN này nhằm mục đích chứng minh ông L là con của chú bà là cụ T chứ không chứng minh được ông L là con của cụ Ph. Do đó, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Chú của bà là cụ Lê Ngọc A. Cụ Lê Thị O có nói cụ Q là vợ của cụ Ph và có làm đám cưới là không đúng vì từ trước năm 1971 cụ Ph rời quê Quảng Ngãi chưa một lần trở lại quê hương cho đến khi cụ Ph chết ngày 11/6/2015. Khi cụ Ph chết thì cụ O cũng không đến viếng, nay cụ A, cụ O, cụ Q cho rằng cụ L có mối quan hệ bất chính với cụ Ph là xúc phạm danh dự của cụ L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H trình bày:*

Ông là chồng của bà Lê Thị Thanh Ng và là con rể của cụ Lê Ngọc Ph và cụ Võ Thị L, sau khi Tòa án nhân dân huyện Đ có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án liên quan đến việc ông Lê Ngọc L và cụ Trần Thị Q khởi kiện gia đình ông yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2015 thì mãi đến ngày 17/01/2018 mới có

quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi quyết định đình chỉ có hiệu lực pháp luật vợ chồng ông làm thủ tục xác nhập tài sản riêng vào tài sản chung được công chứng tại Văn phòng công chứng Lưu Tấn H và hiện nay vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng ông đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông đứng tên cho ông Phạm V, sinh năm 1973 để vay số tiền 30.000.000 đồng. Nay cụ Q và ông L khởi kiện thì ông không đồng ý vì từ năm 1973 cho đến khi cha vợ của ông là cụ Lê Ngọc Ph chết thì cụ L và cụ Ph chỉ có một người con duy nhất là bà Lê Thị Thanh Ng, ngoài ra cụ Ph không còn người con nào khác. Sau khi cụ Ph chết ông L mới làm giấy khai sinh để yêu cầu chia tài sản thì ông không đồng ý. Ông được biết cụ Q có chồng tên là Lộc Văn L1 và có 03 người con, trước khi kết hôn với cụ L1 thì cụ Q đã có 02 người con là bà Th và ông Lê Ngọc L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Liên Kh, anh Phạm Minh Kh trình bày:*

Chị Kh, anh Kh là con của ông H, bà Ng. Chị Kh, anh Kh thống nhất với lời trình bày của ông H, bà Ng.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:*

Cụ Lê Ngọc Ph được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 310m$^2$ thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ.

Ngày 17/7/2000, cụ Ph đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 168m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 nêu trên cho bà Lê Thị Thanh Ng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực theo quy định của pháp luật và ngày 23/4/2003 bà Ng được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 168m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 nêu trên.

Phần diện tích đất còn lại 142m$^2$ thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 thì khi cụ Ph chết ngày 11/6/2015, cụ L và bà Ng đã làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế tại Văn phòng công chứng A và hiện nay bà Ng đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đăng ký biến động sang tên bà Ng vào ngày 08/7/2015.

Về việc ông L sau đó được Tòa án xác định là con ruột của cụ Ph và hiện nay đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp vào ngày 23/4/2003 cho bà Ng đối với diện tích 168m$^2$ nay là thửa đất số 712, tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ và hủy phần đăng ký biến động do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đăng ký biến động sang tên cho bà Ng vào ngày 08/7/2015 đối với diện tích 142m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Đ sẽ điều chỉnh biến động đất đai khi có phán quyết

của Tòa án liên quan đến phần diện tích đất nêu trên.

*Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T trình bày:*

Ngày 18/6/2015, Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T (trước đây là Văn phòng công chứng A) có nhận được yêu cầu của cụ Võ Thị L về việc công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ và một số tài sản căn cứ theo:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC2883486 do Quỹ tín dụng nhân dân L cấp ngày 09/01/2015; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC2883486 do Quỹ tín dụng nhân dân L cấp ngày 03/10/2014; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AM1820758 do Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Đ – Lâm Đồng cấp ngày 25/02/2015; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AK5759010 do Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Đ – Lâm Đồng cấp ngày 04/01/2011.

Sau khi nhận được yêu cầu, Văn phòng công chứng đã thụ lý hồ sơ và được công chứng viên tiến hành kiểm tra toàn bộ hồ sơ có liên quan. Qua kiểm tra nhận thấy hồ sơ người yêu cầu công chứng cung cấp gồm có:

Đầy đủ giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của những người yêu cầu lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế và người làm chứng; giấy chứng tử của cụ Lê Ngọc Ph; giấy khai sinh của bà Lê Thị Thanh Ng; tờ trường trình về quan hệ nhân thân; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC2883486 do Quỹ tín dụng nhân dân L cấp ngày 09/01/2015; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC2883486 do Quỹ tín dụng nhân dân L cấp ngày 03/10/2014; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AM1820758 do Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Đ – Lâm Đồng cấp ngày 25/02/2015; sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AK5759010 do Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Đ – Lâm Đồng cấp ngày 04/01/2011.

Đối chiếu toàn bộ hồ sơ có liên quan với các quy định của pháp luật, nhận thấy hồ sơ đủ điều kiện để thực hiện công chứng và công chứng viên cho tiến hành việc niêm yết tại nơi có bất động sản và nơi có hộ khẩu thường trú cuối cùng của người chết.

Sau 15 ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ theo biên bản niêm yết thông báo về việc công chứng văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 19/6/2015 và thông báo số 321/2015/TB-PCC về việc công chứng văn bản phân chia tài sản thừa kế.

Từ ngày 19/6/2015 đến ngày 03/7/2015, Văn phòng công chứng không nhận được khiếu nại, tố cáo nào có liên quan.

Do đó, ngày 04/7/2015, Văn phòng công chứng đã tiến hành công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế có số công chứng 12119 quyển số 28TP/CC-SCC/HĐGD là đúng quy định trình tự thủ tục quy định tại Điều 40, 41 Luật Công chứng năm 2014, Bộ luật Dân sự và các pháp luật có liên quan.

Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của

pháp luật.

*Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Trần Đức Kh trình bày:*

Ngày 13/4/2018, bà Ng cùng chồng là ông H đến Văn phòng công chứng Trần Đức Kh (trước đây là Văn phòng công chứng Lưu Tấn H) xuất trình chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 để đề nghị Văn phòng công chứng làm văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng.

Sau khi công chứng viên kiểm tra hồ sơ yêu cầu công chứng cho thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho cụ Ph ngày 25/7/1994 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đăng ký biến động sang tên cho bà Ng ngày 02/7/2015.

Qua kiểm tra hệ thống cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng đối với quyền sử dụng đất nêu trên, kết quả cho thấy quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 liên quan đến thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 với diện tích 142m$^2$ đất ở thì tại thời điểm yêu cầu công chứng thì chưa có tham gia giao dịch dân sự và không bị ngăn chặn phong tỏa tài sản để thi hành án, không bị kê biên tài sản của các cơ quan điều tra, Tòa án hay các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

Vì vậy, sau khi kiểm tra hồ sơ yêu cầu công chứng thì công chứng viên nhận thấy hồ sơ yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 là có đủ điều kiện công chứng theo quy định của pháp luật nên công chứng viên đã chuyển cho nhân viên tiến hành soạn thỏa văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng theo trình tự thủ tục bên vợ là bà Ng tự nguyện nhập tài sản riêng của mình là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 vào tài sản chung vợ chồng bên chồng là ông H và được công chứng viên chứng nhận số công chứng 2333 quyển số 01TP/CC-SCC/TSVC.

Việc công chứng viên chứng nhận văn bản bản thỏa thuận nhập tài sản riêng là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 vào tài sản chung vợ chồng nêu trên đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng trình bày:*

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Bà Ng nhận thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ với diện tích 142m$^2$ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận ngày 03/7/2015 tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994.

Ngày 16/4/2018, bà Ng nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đồng thời đăng ký biến động nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành ông H, bà Ng.

Theo thành phần hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thiết lập, thẩm định và đề xuất thì đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 với diện tích 142m$^2$ nay là thửa đất số 1128 tờ bản đồ số 60 với diện tích 142m$^2$ do thị trấn L, huyện Đ đo đạc lại bản đồ địa chính.

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng thẩm tra hồ sơ, in giấy chứng nhận trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM660031 ngày 15/5/2018 cho ông H, bà Ng.

Về cơ sở pháp lý để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM660031 ngày 15/5/2018 là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần hai, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp hết trang 4, do đo đạc lại bản đồ địa chính, do nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng và do nhu cầu của người sử dụng đất trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/7/1994, văn bản nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng được Văn phòng công chứng Trần Đức Kh công chứng số 2333 quyển số 01TP/CC-SCC/TSVC ngày 13/4/2018.

Trình tự thủ tục giải quyết đảm bảo theo quy định tại Điều 76 và Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ trình bày:*

Cụ Ph được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450650 ngày 25/7/1994 đối với thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 (299) tại thị trấn L, huyện Đ với diện tích 310m$^2$ ODT.

Năm 2000, cụ Ph và cụ L có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ng đối với thửa đất số 712 (được tách ra từ thửa đất số 315) tờ bản đồ số 09 (299) tại thị trấn L, huyện Đ với diện tích 168m$^2$ và được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực số 331/CN ngày 27/7/2000.

Tại thời điểm chứng thực không có đơn thư tranh chấp, thắc mắc khiếu nại gì đối với thửa đất nêu trên, do đó, Ủy ban nhân dân thị trấn L đã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên giữa cụ Ph, cụ L và bà Ng.

Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:*

- Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 647, 652, 653, 654, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 234, Khoản 2 Điều 357, Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 662, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 5, 9, 11 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37; Điều 144, Điều 147, Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị Q về việc kiện *"*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt" với bị đơn cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng.

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc L về việc kiện *"*Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt" với bị đơn cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng liên quan đến diện tích đất 168m$^2$ thuộc thửa đất số 712 (được tách ra từ thửa đất số 315) tờ bản đồ số 9 tại thị trấn L, huyện Đ.

[3]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc L về việc kiện *"*Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt" với bị đơn cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng.

[3.1] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Ngọc Ph gồm: Cụ Võ Thị L, ông Lê Ngọc L, bà Lê Thị Thanh Ng.

[3.2] Xác định di sản thừa kế do cụ Lê Ngọc Ph để lại bao gồm:

Diện tích đất 71m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 (nay là thuộc một phần thửa đất số 1128 tờ bản đồ số 60) tại thị trấn L, huyện Đ có giá trị 1.398.700.000 đồng; 1/2 giá trị căn nhà xây cấp 4 (nhà gạch) với diện tích 55,80m$^2$ có giá trị 52.469.064 đồng và số tiền theo sổ tiết kiệm là 54.300.000 đồng. Tổng giá trị di sản cụ Ph để lại là 1.505.469.064 đồng nên xác định 01 kỷ phần thừa kế là 501.823.021 đồng.

[3.3] Hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 04/7/2015 của cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng liên quan đến việc tiến hành phân chia tài sản thừa kế của cụ Lê Ngọc Ph liên quan đến diện tích đất 142m$^2$ thuộc thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ và các sổ tiết kiệm đứng tên cụ Lê Ngọc Ph do Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T) thực hiện

việc công chứng vào ngày 04/7/2015 theo số công chứng 12119 quyển số 28TP/CC-SCC/HĐGD.

[3.4] Hủy nội dung xác nhận điều chỉnh đăng ký biến động sang tên cho bà Lê Thị Thanh Ng vào ngày 08/7/2015 theo văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 04/7/2015 đối với diện tích đất 142m$^2$ thuộc thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B156650 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/7/1994.

[3.5] Hủy văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng ngày 13/4/2018 của bà Lê Thị Thanh Ng và ông Phạm H liên quan đến diện tích đất 142m$^2$ thuộc thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ do Văn phòng công chứng Lưu Tấn H (nay là Văn phòng công chứng Trần Đức Kh) thực hiện việc công chứng vào ngày 13/4/2018 theo số công chứng 2333 quyển số 01TP/CC-SCC/TSVC.

[3.6] Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM660031 mà ông Phạm H, bà Lê Thị Thanh Ng được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới vào ngày 15/5/2018 đối với diện tích đất 142m$^2$ thuộc thửa đất số 1128 tờ bản đồ số 60 tại thị trấn L, huyện Đ.

[3.7] Giao toàn bộ diện tích đất 142m$^2$thuộc thửa đất số 1128 tờ bản đồ số 60 tại thị trấn L, huyện Đ và một căn nhà xây cấp 4 (nhà gạch) với diện tích 55,80m$^2$ và 36.200.000 đồng tiền tiết kiệm cho cụ Võ Thị L được toàn quyền quản lý, sử dụng. (Trong đó, còn một kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Thanh Ng không yêu cầu chia).

Cụ Võ Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3.8] Cụ Võ Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Ngọc L giá trị của một kỷ phần thừa kế là 501.823.021 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Ngọc L phải chịu 10.488.000 đồng chi phí tố tụng, đã nộp đủ và đã quyết toán xong.

Buộc cụ Võ Thị L phải thanh toán cho ông Lê Ngọc L số tiền chi phí tố tụng là 10.488.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/01/2022, các bị đơn cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm H (đại diện bị đơn, đồng thời là người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông H cho rằng ông L không phải con ruột của cụ Ph mà có thể là con của ông Ngọc A nên không đồng ý chia thừa kế cho ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của cụ L, bà Ng và ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn trình bày: Những người trong gia đình cụ Ph đều nhìn nhận ông L là con cụ Ph. Quyết định giải quyết việc hôn nhân về xác định cha cho con giữa ông L và cụ Ph đã có hiệu lực pháp luật. Cụ Ph chết không để lại di chúc nên cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các con là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của cụ L, bà Ng và ông H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã xác định cụ Ph là cha đẻ của ông L. Ngoài ra, Văn bản số 2271 ngày 26/12/2015 của Công an huyện Đ xác định sổ hộ khẩu của gia đình cụ Ph có thành viên là ông L, quan hệ với chủ hộ là con. Cụ Ph chết không để lại di chúc nên ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của cụ L, bà Ng và ông H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng, ông Phạm H làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Q (có ông Lê Ngọc L đại diện theo ủy quyền), bị đơn bà Lê Thị Thanh Ng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét thấy, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do khách quan, không thuộc trường hợp bất khả kháng. Sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc xét xử khách quan vụ án. Nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Thanh Ng trùng với nội dung kháng cáo của cụ Võ Thị L và ông Phạm H. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về việc yêu cầu xác định cha cho con (bút lục số 37-39) đã xác định cụ Lê Ngọc Ph là cha

đẻ của ông Lê Ngọc L. Đây là quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Theo giấy khai sinh (bút lục số 16) do Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Đ cấp thì ông Lê Ngọc L có mẹ là cụ Trần Thị Q và có cha là cụ Lê Ngọc Ph. Bên cạnh đó, Thông tin tàng thư hộ khẩu do Công an huyện Đ, huyện Lâm Đồng cung cấp tại Văn bản số 2271/CAĐT ngày 26/12/2015 của Công an huyện Đ (bút lục số 417) thể hiện: Số sổ hộ khẩu 2445 do cụ Võ Thị L là chủ hộ, có thành viên trong hộ là ông Lê Ngọc L (con); bà Lê Thị Thanh Ng (con). Đối với việc cụ Lê Ngọc Ph nhận ông Lê Ngọc L là con và nhập khẩu vào ngày 28/11/1987 gồm có các tài liệu sau: 01 đơn xin nhập khẩu do cụ Ph viết tay ngày 28/11/1987 có xác nhận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L vào ngày 02/12/1987; xác nhận của Trưởng Công an thị trấn L vào ngày 22/3/1993; 01 bản khai nhân khẩu của ông Lê Ngọc L vào ngày 22/3/1993 có ghi thông tin cha cụ Lê Ngọc Ph; mẹ ruột cụ Trần Thị Q; mẹ nuôi cụ Võ Thị L. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của ông L về quá trình ông từng được cụ Ph và cụ L nuôi dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L là con của cụ Lê Ngọc Ph và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của cụ L, bà Ng, ông H về việc không công nhận ông L là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph.

Ông L cho rằng trong quá trình chung sống với cụ Q vào năm 1971 thì cụ Q và cụ Ph tạo lập được khối tài sản là nhà và diện tích đất 310m$^2$ thuộc thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đây là tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với cụ Q. Trong khi đó, giữa cụ Q và cụ Ph không có đăng ký kết hôn, còn giữa cụ Ph và cụ L có Trích lục chứng thư hôn thú số 09/HT/PS ngày 10/8/1973 của xã Phú Sơn, quận Đ, tỉnh Tuyên Đức (bút lục số 357). Hôn nhân của cụ Ph và cụ L là hợp pháp nên cụ L được xác định là vợ của cụ Ph và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph. Còn cụ Q từ năm 1982 đã lập gia đình và chung sống cùng cụ Lộc Văn L1 nên hôn nhân thực tế giữa cụ Ph và cụ Q đã chấm dứt.

Theo giấy khai sinh (bút lục số 220) do Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp thì bà Lê Thị Thanh Ng là con của cụ Ph và cụ L nên bà Ng thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph.

Do cụ Ph chết không để lại di chúc nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph bao gồm: Cụ L (vợ); ông L (con đẻ); bà Ng (con đẻ).

Theo đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà đất ngày 28/7/1997 (bút lục số 139) thể hiện: Cụ Ph, cụ L có tạo lập được một lô đất có diện tích 310m$^2$, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn L vào ngày 28/7/1997. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI56650 (bút lục số 05-06) cụ Ph được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/7/1994 đối với diện tích đất 310m$^2$ thuộc thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất này là tài sản chung của cụ Ph và cụ L tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ.

Theo nội dung đăng ký biến động tại trang thứ 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì ngày 21/8/2000, cụ Ph, cụ L đã chuyển nhượng cho bà

Lê Thị Thanh Ng diện tích đất 168m$^2$ theo hợp đồng số 331 ngày 07/8/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Đ nên diện tích cụ Ph, cụ L còn lại chỉ là 142m$^2$. Theo giấy cho đất và nhà con gái ngày 16/5/2000 (bút lục số 365) thể hiện: Cụ Ph và cụ L lập văn bản cho con gái là bà Ng lô đất có kích thước chiều ngang 6m; chiều dài 30m và nửa căn nhà mái tôn vách ván. Văn bản cho đất và nhà có chữ viết và chữ ký xác nhận của cụ Ph và cụ L, có chữ viết và chữ ký xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố tổ 14 khu phố 2 là ông Đỗ Văn Kh, có chữ viết và chữ ký xác nhận của Trưởng ban khu phố 2 là ông Ngô Thành H. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 331 ngày 07/7/2000 (bút lục số 196-197) thì cụ Ph, cụ L chuyển nhượng cho bà Ng diện tích đất 168m$^2$ thuộc thửa đất số 712 (được tách ra từ thửa đất số 315) tờ bản đồ số 9 tại thị trấn L, huyện Đ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn L vào ngày 07/7/2000, xác nhận của Trưởng phòng Địa chính vào ngày 01/8/2000, có xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện Đ vào ngày 07/8/2000, có họa đồ lô đất nhận chuyển nhượng kèm theo. Sau khi bà Ng nhận chuyển nhượng diện tích 168m$^2$ từ cụ Ph thì ngày 23/4/2003 bà Ng được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4203011142 đối với diện tích đất 168m$^2$ thuộc thửa đất số 712 (được tách ra từ thửa đất số 315) tờ bản đồ số 9 tại thị trấn L, huyện Đ. Trên đất có căn nhà với diện tích sử dụng là 46,40m$^2$; diện tích xây dựng là 49,95m$^2$; kết cấu nhà vách ván, mái tôn, một tầng (bút lục số 07-08). Việc chuyển nhượng của cụ L, cụ Ph đối với diện tích đất 168m$^2$ là hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 331 ngày 07/7/2000 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Ng đối với diện tích đất 168m$^2$ của ông L.

Trên cơ sở đó, tài sản chung của cụ Ph, cụ L được hình thành trong thời kỳ hôn nhân còn lại sau khi đã tặng cho bà Lê Thị Thanh Ng diện tích đất 168m$^2$ gồm:

Diện tích đất 142m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B156650 vào ngày 25/7/1994 trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4.

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC2883486 do Quỹ tín dụng nhân dân L cấp ngày 09/01/2015 với kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 5,1%/năm; số dư tài khoản là 16.000.000 đồng đứng tên Lê Ngọc Ph.

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC2883486 do Quỹ tín dụng nhân dân L cấp ngày 03/10/2014 với kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,3%/năm; số dư tài khoản là 70.000.000 đồng đứng tên Lê Ngọc Ph.

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AM1820758 do Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đ - Lâm Đồng cấp ngày 25/02/2015 với kỳ hạn 12 tháng, số tài khoản 5402604032876; số dư tài khoản là 19.000.000 đồng đứng tên Lê Ngọc Ph.

Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AK5759010 do Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Đ - Lâm Đồng cấp ngày 04/01/2011 với kỳ hạn 06 tháng, số tài khoản 5402601198126; số dư tài khoản là 3.600.000 đồng đứng tên Lê Ngọc Ph.

Tổng 04 sổ tiết kiệm có trị giá 108.600.000 đồng (bút lục số 207-211).

Do cụ Ph chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Ph để lại là 1/2 diện tích đất 142m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 315 tờ bản đồ số 09 tại thị trấn L, huyện Đ và 1/2 giá trị căn nhà xây cấp 4 và 54.300.000 đồng tiền tiết kiệm. Theo chứng thư thẩm định giá số 028/2021/FMA-LD ngày 02/7/2021 (bút lục số 445-465) thể hiện: Diện tích đất 142m$^2$ thuộc thửa đất số 1128 có giá trị 142m2 x 19.700.000 đồng = 2.797.400.000 đồng cùng căn nhà xây cấp 4 (nhà gạch) trên đất với diện tích 55,80m$^2$ có giá trị 104.938.127 đồng. Tổng tài sản chung nhà và quyền sử dụng đất của cụ L, cụ Ph có giá trị 2.902.338.127 đồng. Như vậy, phần di sản nhà và quyền sử dụng đất của cụ Ph có giá trị 2.902.338.127 đồng/2 = 1.451.169.064 đồng. Phần di sản có giá trị này được chia làm 3 phần cho 3 người thừa kế gồm cụ L, ông L, bà Ng. Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 1.451.169.064 đồng/3 = 483.723.021 đồng.

Do ông L được xác định là con của cụ Ph, từng đăng ký hộ khẩu cùng với cụ L, nhưng khi tiến hành phân chia di sản thừa kế của cụ Ph thì ông L không có mặt và cả cụ L, bà Ng đều biết việc ông L là con của cụ Ph nhưng vẫn giấu hàng thừa kế của cụ Ph là ông L nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông L, hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 04/7/2015 của cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng liên quan đến việc tiến hành phân chia tài sản thừa kế của cụ Lê Ngọc Ph liên quan đến diện tích đất 142m$^2$ và các sổ tiết kiệm nêu trên do Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T) thực hiện việc công chứng vào ngày 04/7/2015 theo số công chứng 12119 quyển số 28TP/CC-SCC/HĐGD. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy nội dung xác nhận điều chỉnh đăng ký biến động sang tên cho bà Lê Thị Thanh Ng vào ngày 08/7/2015; hủy văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng của bà Ng và ông H; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM660031 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Phạm H, bà Lê Thị Thanh Ng ngày 15/5/2018 đối với diện tích đất 142m$^2$ thuộc thửa đất số 1128 tờ bản đồ số 60 tại thị trấn L, huyện Đ để chia lại di sản theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hiện nay nhà và đất đều do cụ L, bà Ng, ông H đang là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và nhà. Ông L từ năm 1998 đến nay cũng không sinh sống tại nhà, đất nói trên. Theo quy định tại Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì việc chia thừa kế bằng hiện vật cho ông L không đủ điều kiện để tách thửa. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ diện tích đất 142m$^2$ (trong đó có 71m$^2$ là di sản thừa kế của cụ Ph) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 (nhà gạch) có diện tích 55,80m$^2$ cho cụ L quản lý, sử dụng và cụ L phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông L, bà Ng mỗi người 483.723.021 đồng là giá trị tương đương với một kỷ phần thừa kế mà hàng thừa kế được nhận. Do bà Ng không yêu cầu chia di sản thừa kế nên cụ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông L số tiền 483.723.021 đồng giá trị nhà và quyền sử dụng đất.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền cụ L phải thanh toán cho ông L là 483.723.021 đồng (giá trị nhà và quyền sử dụng đất) + 18.100.000

đồng (tiền tiết kiệm) = 501.823.021 đồng (là giá trị tương đương với một kỷ phần thừa kế) là có căn cứ, đúng pháp luật. Đơn kháng cáo của cụ L, bà Ng, ông H là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ Võ Thị L là người cao tuổi nên được miễn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của cụ Võ Thị L, bà Lê Thị Thanh Ng, ông Phạm H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ông Phạm H, bà Lê Thị Thanh Ng, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008829 và 0008830 cùng ngày 24/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; đương sự đã thực hiện xong.

Cụ Võ Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Mười** **Dương Tuấn Vinh** **Trần Thị Thu Thủy**

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- ĐS (13;
- Lưu VP(3), HS(2).23b.TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Thủy**